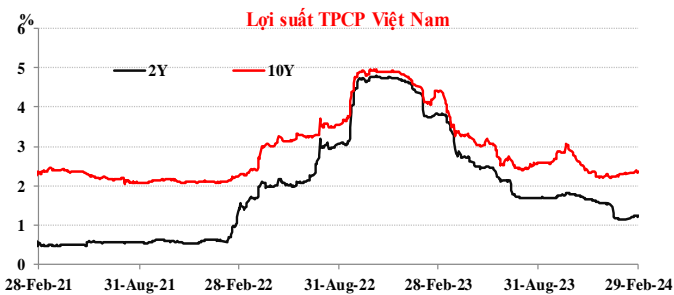


| Kỳ hạn | Lãi suất LNH |       |      |       | Trái phiếu |          |        |
|--------|--------------|-------|------|-------|------------|----------|--------|
|        | VND          | D/D   | USD  | D/D   | Kỳ hạn     | Lợi suất | D/D    |
| ON     | 1.47         | -0.86 | 5.18 | 0.00  | 3Y         | 1.28     | 0.017  |
| 1W     | 1.65         | -0.86 | 5.30 | 0.02  | 5Y         | 1.45     | -0.005 |
| 2W     | 1.90         | -0.70 | 5.36 | 0.01  | 7Y         | 1.84     | 0.007  |
| 1M     | 2.50         | -0.21 | 5.40 | 0.00  | 10Y        | 2.35     | 0.024  |
| 2M     | 2.80         | -0.07 | 5.48 | -0.01 | 15Y        | 2.58     | 0.021  |
| 3M     | 2.97         | 0.04  | 5.55 | -0.02 |            |          |        |
| 6M     | 4.30         | 0.04  | 5.61 | 0.00  |            |          |        |
| 9M     | 4.76         | 0.01  | 5.69 | -0.01 |            |          |        |
| 1Y     | 5.30         | 0.02  | 5.73 | -0.01 |            |          |        |

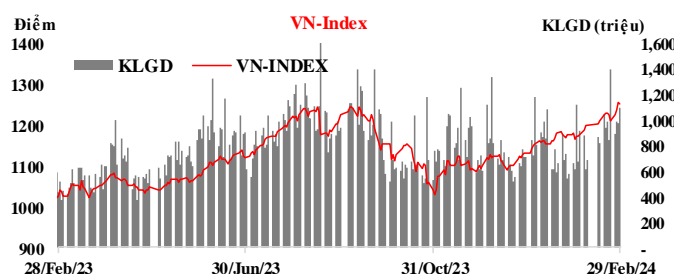


Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNNHN 29/02/2024

| Đơn vị: Tỷ đ. | Tổng KL chào thầu | Tổng KL trúng thầu | Tổng KL đảo hạn | Ròng | KL lưu hành |
|---------------|-------------------|--------------------|-----------------|------|-------------|
| Reverse Repo  | 5.000.00          | -                  | -               | -    | 0.00        |
| Sell Outright | -                 | -                  | -               | -    | 0.00        |
| <b>Tổng</b>   |                   |                    |                 |      |             |

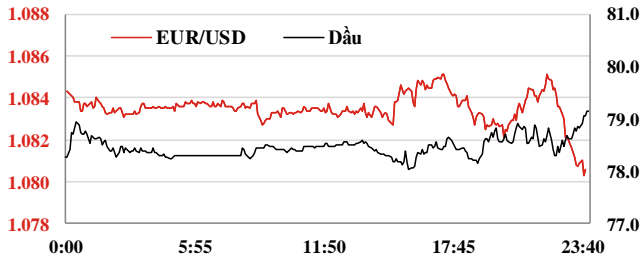
Chứng khoán ngày 29/02/2024

|                  | VN-Index | HNX-Index | Upcom  |
|------------------|----------|-----------|--------|
| Điểm             | 1252.73  | 235.46    | 90.63  |
| %/ngày           | -0.15%   | 0.13%     | 0.10%  |
| %/29/12/2023     | 10.9%    | 1.9%      | 4.1%   |
| KLGD (tr.d.vị)   | 1091.19  | 95.40     | 32.1   |
| GTGD (tỷ đ)      | 26136.52 | 1894.60   | 538.81 |
| NDINN mua (tỷ đ) | 2292.87  | 96.31     | 82.61  |
| NDINN bán (tỷ đ) | 2617.20  | 134.98    | 5.69   |

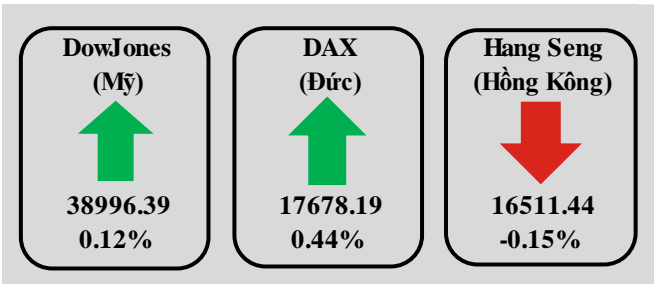


## Tin trong nước ngày 29/02

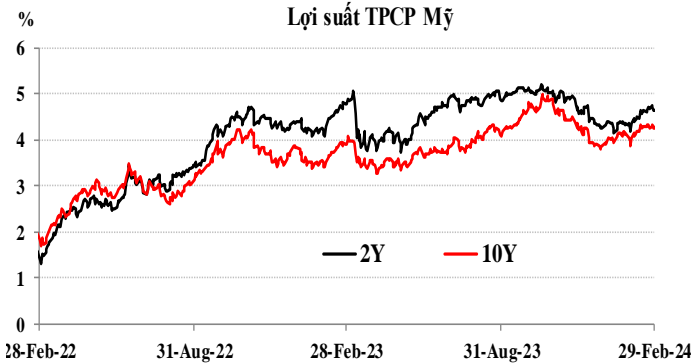
- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 29/02, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.002 VND/USD, giảm nhẹ 01 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.152 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.645 VND/USD, tăng nhẹ 02 đồng so với phiên 28/02. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng mạnh 110 đồng ở chiều mua vào và 80 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 25.360 VND/USD và 25.430 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 29/02, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm mạnh 0,21 – 0,86 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 1,47%; 1W 1,65%; 2W 1,90% và 1M 2,50%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở các kỳ hạn ON và 1M trong khi tăng 0,01 – 0,02 đpt ở các kỳ hạn 1W và 2W; giao dịch tại: ON 5,18%; 1W 5,30%; 2W 5,36%, 1M 5,40%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm ở kỳ hạn 5Y; chốt phiên ở mức: 3Y 1,28%; 5Y 1,45%; 7Y 1,84%; 10Y 2,35%; 15Y 2,58%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 5.000 tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không còn khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN, không có tín phiếu lưu hành trên thị trường.
- Thị trường chứng khoán:** Thị trường chứng khoán tiếp tục hưng phấn đầu phiên, tuy nhiên chịu sức ép bán mạnh sau đó. Chốt phiên, VN-Index giảm nhẹ 1,82 điểm (-0,15%) về mức 1.252,73 điểm; HNX-Index tăng 0,29 điểm (+0,13%) lên 235,46 điểm; UPCoM-Index nhích 0,09 điểm (+0,10%) đạt mức 90,63 điểm. Thanh khoản thị trường tăng tích cực so với phiên trước đó với giá trị giao dịch đạt gần 28.600 tỷ đồng. Khối ngoại bán ròng hơn 286 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 02/2024 tăng 1,04% so với tháng trước; tăng 1,35% so với tháng 12/2023 và tăng 3,98% so với cùng kỳ năm 2023. Bình quân 2 tháng đầu năm 2024, CPI tăng 3,67% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản tháng 02/2024 tăng 0,49% so với tháng trước và tăng 2,96% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 2 tháng đầu năm, lạm phát cơ bản tăng 2,84% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,67%) chủ yếu do giá lương thực, xăng dầu, giá dịch vụ y tế và giá dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.**



|                   | 29 Feb 24 | Ngày (%) | Tuần (%) | Đầu năm (%) |
|-------------------|-----------|----------|----------|-------------|
| USD index         | 104.16    | 0.17%    | 0.19%    | 2.79%       |
| USD/CNY           | 7.19      | -0.14%   | -0.09%   | 1.27%       |
| USD/EUR           | 0.93      | 0.31%    | 0.19%    | 2.16%       |
| USD/JPY           | 149.98    | -0.46%   | -0.35%   | 6.32%       |
| USD/KRW           | 1334.78   | 0.05%    | 0.57%    | 3.12%       |
| USD/SGD           | 1.35      | -0.02%   | 0.22%    | 2.01%       |
| USD/TWD           | 31.63     | -0.11%   | 0.31%    | 3.09%       |
| USD/THB           | 35.88     | -0.31%   | -0.17%   | 4.45%       |
| USD/VND Trung tâm | 24002     | 0.00%    | 0.09%    | 0.57%       |
| USD/VND LNH       | 24645     | 0.01%    | 0.17%    | 1.63%       |
| USD/VND tự do     | 25347     | -0.09%   | 0.79%    | 2.45%       |
| Vàng              | 2043.24   | 0.42%    | 0.95%    | -0.94%      |
| Dầu WTI           | 78.26     | -0.36%   | -0.45%   | 9.23%       |



Lợi suất TPCP Mỹ



Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

| NHTW      | Đồng tiền | Kỳ trước | Kỳ này | Ngày thay đổi | Cuộc họp tới |
|-----------|-----------|----------|--------|---------------|--------------|
| Mỹ        | USD       | 5,25%    | 5,50%  | 26/7/2023     | 20/3/2024    |
| Châu Âu   | EUR       | 4,50%    | 4,75%  | 14/9/2023     | 7/3/2024     |
| Anh       | GBP       | 5,25%    | 5,25%  | 3/8/2023      | 21/3/2024    |
| Nhật      | JPY       | 0,10%    | -0,10% | 28/1/2016     | 19/3/2024    |
| Australia | AUD       | 4,10%    | 4,35%  | 8/11/2023     | 19/3/2024    |

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

## Tin quốc tế

- Nước Mỹ ghi nhận một số chỉ báo kinh tế đáng chú ý.** Văn phòng Thống kê Kinh tế Mỹ cho biết chỉ số giá tiêu dùng cá nhân PCE lõi tại Mỹ tăng 0,4% m/m trong tháng 1, nối tiếp đà tăng 0,1% của tháng trước đó và khớp với dự báo. Bên cạnh đó, PCE toàn phần cũng tăng 0,3% m/m, cao hơn mức tăng 0,1% của tháng cuối năm. So với cùng kỳ năm 2023, PCE lõi và PCE toàn phần lần lượt tăng 2,8% và 2,4% y/y trong tháng vừa qua, cùng giảm tốc so với mức 2,9% và 2,6% của tháng trước đó. Tiếp theo, tại thị trường lao động, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ tuần kết thúc ngày 24/02 ở mức 215 nghìn đơn, tăng nhẹ so với mức 202 nghìn của tuần trước đó, đồng thời cao hơn mức 209 nghìn theo dự báo. Số đơn trung bình 4 tuần gần nhất là 212,5 nghìn đơn, tăng 3 nghìn so với trung bình 4 tuần trước đó.
- Chỉ số giá tiêu dùng Đức tiếp tục chậm lại, hỗ trợ kế hoạch cắt giảm lãi suất của NHTW Châu Âu ECB.** Theo Văn phòng Thống kê Đức Destatis, chỉ số giá tiêu dùng CPI Đức tăng 0,4% m/m trong tháng 2, tuy cao hơn mức tăng 0,2% của tháng trước đó nhưng thấp hơn mức tăng 0,5% của thị trường. So với cùng kỳ 2023, CPI tăng 2,7% y/y, giảm tích cực từ mức tăng 3,1% của tháng 1. Đây cũng đúng là mức kỳ vọng của các chuyên gia kinh tế. Kết quả này đúng với giả thuyết của ECB về việc mức tăng CPI sẽ tiếp tục giảm dần về mức mục tiêu 2% trong các tháng tới, có thể vào nửa cuối 2024. Nhiều người dự đoán ECB có khả năng sẽ giảm các LSCS của mình từ cuộc họp tháng Sáu tới đây. Tuy nhiên, Chủ tịch NHTW Đức Bundesbank vẫn đưa ra ý kiến thận trọng, cho rằng không nên cắt giảm lãi suất quá sớm khi triển vọng giá cả chưa đủ rõ ràng, và cần chờ sang nửa cuối năm để có bức tranh kinh tế cụ thể hơn.
- Doanh số bán lẻ của Úc khởi đầu năm mới thuận lợi nhưng không mạnh như kỳ vọng.** Theo Văn phòng Thống kê Úc, doanh số bán lẻ nước này chỉ tăng 1,1% m/m trong tháng 1, mặc dù tích cực hơn nhiều sau khi giảm 2,1% trong tháng cuối năm 2023, nhưng vẫn thấp hơn dự báo với mức tăng 1,6%. Sự phục hồi được thể hiện trên toàn bộ nền kinh tế khi tất cả các ngành bán lẻ đều đạt được mức tăng. Chi tiêu của người tiêu dùng đã thay đổi mạnh mẽ khi người mua hàng chi tiêu mạnh tháng 11, tận dụng các đợt giảm giá trong dịp Black Friday. Điều này dẫn đến sự tạm lắng trong tháng 12 và hoạt động bán lẻ tăng lên trong tháng 1. Tuy nhiên, người tiêu dùng vẫn đang bị siết chặt bởi cuộc khủng hoảng chi phí sinh hoạt và lãi suất thế chấp cao vì NHTW Úc RBA vẫn chưa hạ LSCS.

## Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

| Ngày  | Giờ VN | Mức độ ảnh hưởng | Chỉ số kinh tế                                | Kỳ này | Dự báo | Kỳ trước |
|-------|--------|------------------|---|--------|--------|----------|
| 29-02 | 7:30   | **               | Doanh số bán lẻ Úc mm T1                      | 1.1    | 1.6    | -2.1     |
| 29-02 | 14:45  | ***              | CPI sơ bộ Đức mm T2                           | 0.4    | 0.5    | 0.2      |
| 29-02 | 20:30  | ***              | PCE lõi Mỹ mm T1                              | 0.4    | 0.4    | 0.1      |
| 29-02 | 20:30  | ***              | Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu Mỹ w/e | 215K   | 209K   | 201K     |
| 01-03 | 8:30   | ***              | PMI lĩnh vực sản xuất Trung Quốc T2           |        | 49.1   | 49.2     |
| 01-03 | 17:00  | **               | CPI lõi sơ bộ Eurozone yy T2                  |        | 2.9    | 3.3      |
| 01-03 | 17:00  | **               | CPI toàn phần sơ bộ Eurozone yy T2            |        | 2.5    | 2.8      |
| 01-03 | 22:00  | ***              | PMI lĩnh vực sản xuất Mỹ ISM T2               |        | 49.5   | 49.1     |

# Thị trường chứng khoán

## VN-INDEX



VN-Index giảm nhẹ, đóng cửa tại 1.252,73 điểm. Thị trường tiếp đà bứt phá qua ngưỡng kháng cự quan trọng, có thể tiếp tục bùng nổ trong những phiên sắp tới hướng tới vùng kháng cự tiếp theo quanh 1.300 điểm.

### NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội  
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

**Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm**  
Email: ninhnh1@msb.com.vn

**Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích**  
Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)